

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH
Về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện (sau đây gọi chung là quỹ) thành lập tại Việt Nam.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

- a) Công dân, tổ chức Việt Nam trong việc thành lập quỹ;
- b) Công dân, tổ chức nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ.

3. Nghị định này không áp dụng đối với các quỹ mà pháp luật đã có quy định riêng.

Điều 2. Mục đích tổ chức, hoạt động của quỹ

Quỹ được tổ chức và hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì mục đích lợi nhuận.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Quỹ”: Là tổ chức phi chính phủ do cá nhân, tổ chức tự nguyện dành một khoản tài sản nhất định để thành lập hoặc thành lập thông qua hợp đồng, hiến tặng, di chúc; có mục đích tổ chức, hoạt động theo quy định tại Điều 2 Nghị định này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập, công nhận điều lệ.

2. “Quỹ xã hội”: Là quỹ được tổ chức, hoạt động với mục đích chính nhằm hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì mục đích lợi nhuận.

3. “Quỹ từ thiện”: Là quỹ được tổ chức, hoạt động với mục đích chính nhằm hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo và các đối tượng khác thuộc diện khó khăn cần sự trợ giúp của xã hội, không vì mục đích lợi nhuận.

4. “Không vì lợi nhuận”: Là không tìm kiếm lợi nhuận để phân chia, lợi nhuận có được trong quá trình hoạt động được dành cho các hoạt động của quỹ theo điều lệ đã được công nhận.

5. “Góp tài sản”: Là việc chuyển quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức dưới hình thức hợp đồng, hiến tặng, di chúc của người để lại tài sản hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật vào quỹ để làm tài sản của quỹ và thực hiện các mục đích theo quy định tại Điều 2 Nghị định này.

6. “Tài sản”: Bao gồm hiện vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản.

7. “Tổ chức Việt Nam”: Là đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp Việt Nam và các tổ chức khác có đủ các điều kiện của một pháp nhân theo quy định của Bộ luật dân sự.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính của quỹ

1. Thành lập và hoạt động không vì lợi nhuận.

2. Tự nguyện, tự tạo vốn, tự trang trải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của mình.

3. Hoạt động theo điều lệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan.

4. Công khai, minh bạch về thu, chi, tài chính, tài sản của quỹ.

5. Không phân chia tài sản của quỹ trong quá trình quỹ đang hoạt động.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với quỹ

1. Được Nhà nước tạo điều kiện hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

2. Được Nhà nước cấp kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

3. Việc đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức cho quỹ được áp dụng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, tên, biểu tượng và trụ sở của quỹ

1. Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

2. Quỹ được chọn tên và biểu tượng, tên và biểu tượng của quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không trùng lặp hoặc gây nhầm lẫn với tên hoặc biểu tượng của quỹ khác đã được đăng ký trước đó;

b) Không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc;

c) Tên quỹ phải được thể hiện bằng tiếng Việt hoặc phiên âm ra tiếng Việt.

3. Trụ sở giao dịch của quỹ phải đặt trên lãnh thổ Việt Nam và có địa chỉ cụ thể.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm lợi dụng việc thành lập quỹ để thực hiện các hành vi:

a) Tư lợi hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và cộng đồng; gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, đại đoàn kết dân tộc;

b) Xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc;

c) Rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái pháp luật.

2. Làm giả, tẩy xoá, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp giấy phép thành lập quỹ dưới bất kỳ hình thức nào.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC THÀNH LẬP QUỸ

Điều 8. Điều kiện thành lập quỹ

Quỹ được thành lập khi có đủ những điều kiện sau đây:

1. Mục đích hoạt động phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị định này.
2. Có sáng lập viên thành lập quỹ theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.
3. Ban sáng lập quỹ có đủ số tài sản đóng góp để thành lập quỹ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.
4. Có hồ sơ thành lập quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Điều 9. Sáng lập viên thành lập quỹ

1. Sáng lập viên thành lập quỹ phải là công dân, tổ chức Việt Nam góp tài sản để thành lập quỹ; tham gia xây dựng dự thảo điều lệ và các tài liệu trong hồ sơ xin phép thành lập quỹ.

2. Các sáng lập viên thành lập Ban sáng lập quỹ. Ban sáng lập quỹ phải có ít nhất 03 (ba) sáng lập viên, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và sáng lập viên. Ban sáng lập quỹ lập hồ sơ xin phép thành lập quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Điều kiện đối với các sáng lập viên:

a) Đối với công dân Việt Nam: Có đủ năng lực hành vi dân sự và không có án tích;

b) Đối với tổ chức của Việt Nam: Có điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; nghị quyết của Ban lãnh đạo tổ chức về việc tham gia thành lập quỹ; quyết định cử người đại diện của tổ chức tham gia tư cách sáng lập viên thành lập quỹ;

c) Có tài sản đóng góp thành lập quỹ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Điều 10. Công dân, tổ chức nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ

1. Công dân, tổ chức nước ngoài được góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ ở Việt Nam.

2. Điều kiện đối với công dân, tổ chức nước ngoài:

- a) Phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của tài sản đóng góp;
- b) Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam và mục đích hoạt động của quỹ;
- c) Có tài sản đóng góp thành lập quỹ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Điều 11. Thành lập quỹ theo di chúc hoặc yêu cầu của người hiến tặng tài sản thông qua hợp đồng ủy quyền

1. Công dân, tổ chức Việt Nam được thừa kế theo di chúc trong đó có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu lập quỹ của người để lại tài sản hoặc được người hiến tặng tài sản yêu cầu lập quỹ thông qua hợp đồng ủy quyền, thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định này và lập hồ sơ xin phép thành lập quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Quỹ được thành lập theo di chúc phải có bản sao di chúc có chứng thực theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ được thành lập theo hợp đồng ủy quyền của tổ chức, cá nhân phải có hợp đồng ủy quyền có công chứng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tài sản đóng góp thành lập quỹ

1. Tài sản đóng góp thành lập quỹ gồm:

- a) Tiền đồng Việt Nam;
- b) Tài sản được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam (bao gồm: Hiện vật, ngoại tệ, giấy tờ có giá, các quyền tài sản và các loại tài sản khác) của công dân, tổ chức Việt Nam là sáng lập viên hoặc của công dân, tổ chức nước ngoài góp với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ. Đối với tài sản là trụ sở, trang thiết bị, công nghệ phải do tổ chức thẩm định giá được thành lập hợp pháp định giá, thời điểm định giá tài sản không quá 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin thành lập quỹ.

2. Đối với quỹ do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập, Ban sáng lập quỹ phải đảm bảo số tài sản đóng góp thành lập quỹ quy đổi ra tiền đồng Việt Nam (trong đó số tiền dự kiến chuyển vào tài khoản của quỹ tối thiểu bằng 50% tổng giá trị tài sản quy đổi) như sau:

- a) Quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh: 5.000.000.000 (năm tỷ);
- b) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh: 1.000.000.000 (một tỷ);

c) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện: 100.000.000 (một trăm triệu);

d) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã: 20.000.000 (hai mươi triệu).

3. Đối với quỹ có tài sản của công dân, tổ chức nước ngoài góp với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập; Ban sáng lập quỹ phải đảm bảo số tài sản đóng góp thành lập quỹ quy đổi ra tiền đồng Việt Nam (trong đó số tiền dự kiến chuyển vào tài khoản của quỹ tối thiểu bằng 50% tổng giá trị tài sản quy đổi) như sau:

a) Quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh: 7.000.000.000 (bảy tỷ);

b) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh: 3.000.000.000 (ba tỷ);

c) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện: 1.000.000.000 (một tỷ);

d) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã: 500.000.000 (năm trăm triệu).

4. Tài sản đóng góp thành lập quỹ phải được chuyển quyền sở hữu cho quỹ trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày quỹ được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ.

Điều 13. Hồ sơ thành lập quỹ

1. Hồ sơ thành lập quỹ được lập thành 01 (một) bộ và gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Hồ sơ thành lập quỹ, gồm:

a) Đơn đề nghị thành lập quỹ;

b) Dự thảo điều lệ quỹ;

c) Tài liệu chứng minh tài sản đóng góp để thành lập quỹ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;

d) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của các thành viên ban sáng lập quỹ và các tài liệu theo quy định tại Điều 9, Điều 10 hoặc Điều 11 Nghị định này.

Điều 14. Nội dung cơ bản của điều lệ quỹ

1. Tên gọi, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website (nếu có) của quỹ.

2. Tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của quỹ.

3. Thông tin về sáng lập viên của quỹ.

4. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của quỹ.

5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động; cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý quỹ, Ban Kiểm soát, Chủ tịch, Giám đốc và các chức vụ lãnh đạo khác.

6. Nguyên tắc vận động quyên góp; vận động, tiếp nhận tài trợ và thực hiện tài trợ.

7. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của quỹ.

8. Trách nhiệm báo cáo về tổ chức, hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ đối với cơ quan có thẩm quyền.

9. Khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại trong nội bộ quỹ và xử lý vi phạm trong hoạt động của quỹ.

10. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên và giải thể quỹ.

11. Thẻ thức sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ.

12. Các nội dung khác phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 15. Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ

1. Đối với quỹ được thành lập mới thì giấy phép thành lập quỹ đồng thời là giấy công nhận điều lệ quỹ.

2. Giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có thể được thay đổi hoặc cấp lại theo đề nghị của Hội đồng quản lý quỹ.

3. Chậm nhất sau 40 (bốn mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này có trách nhiệm cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 16. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về quỹ

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với:

a) Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh;

b) Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

a) Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh;

b) Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã;

c) Căn cứ điều kiện cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, xã; trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

3. Khi tiếp nhận hồ sơ về quỹ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm lập phiếu tiếp nhận hồ sơ để làm căn cứ xác định thời hạn giải quyết. Nội dung phiếu tiếp nhận hồ sơ gồm: Ngày, tháng, năm và phương thức tiếp nhận; thông tin về hồ sơ; thông tin bên gửi, bên nhận.

Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 17. Thu hồi giấy phép thành lập và con dấu của quỹ

1. Quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập trong các trường hợp:

a) Quyết định chia, sáp nhập, hợp nhất, giải thể quỹ có hiệu lực;

b) Sau khi được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ nhưng quỹ không thực hiện đúng quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định này thì giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ hết hiệu lực. Trường hợp vì lý do khách quan mà quỹ chưa thực hiện được quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định này thì trong thời hạn 10 (mười) ngày trước khi hết thời hạn theo quy định, Ban sáng lập quỹ phải có văn bản gửi cơ quan nhà nước đã cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ đề nghị gia hạn. Thời gian gia hạn chỉ thực hiện một lần và tối đa không quá 20 (hai mươi) ngày, nếu quá thời gian gia hạn mà quỹ vẫn không thực hiện quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định này thì giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ hết hiệu lực.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày các quyết định nêu tại Điểm a Khoản 1 Điều này có hiệu lực hoặc hết thời gian theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này ra quyết định thu hồi giấy phép thành lập của quỹ.

3. Việc thu hồi con dấu được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Thủ tục thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ

1. Việc thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ được thực hiện trong trường hợp quỹ sửa đổi, bổ sung điều lệ. Khi thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, Hội đồng quản lý quỹ gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này, hồ sơ gồm:

- a) Đơn xin thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ;
- b) Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ nêu rõ lý do về việc xin thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ;
- c) Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về việc xin thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Khi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ bị mất, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, quỹ có đơn đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn hợp lệ, cơ quan cho phép thành lập quỹ cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, trong đó ghi rõ số lần cấp lại và số giấy phép thành lập đã được cấp trước đây.

Điều 19. Công bố việc thành lập quỹ

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, quỹ phải công bố về việc thành lập quỹ liên tiếp trên 03 (ba) số báo viết hoặc báo điện tử ở Trung ương đối với quỹ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập; báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương đối với quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cho phép thành lập về các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên quỹ;
- b) Địa chỉ trụ sở chính của quỹ, điện thoại, email hoặc website (nếu có) của quỹ;
- c) Tôn chỉ, mục đích của quỹ;
- d) Phạm vi hoạt động của quỹ;
- đ) Lĩnh vực hoạt động chính của quỹ;
- e) Số tài khoản, tên, địa chỉ ngân hàng nơi quỹ mở tài khoản;
- g) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của quỹ;
- h) Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và cơ quan cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ;
- i) Số tài sản đóng góp thành lập quỹ của các sáng lập viên.

2. Trong trường hợp thay đổi nội dung giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, quỹ phải công bố nội dung những thay đổi đó trong thời hạn và theo phương thức quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 20. Chuyển quyền sở hữu tài sản đóng góp thành lập quỹ của sáng lập viên

Thành viên ban sáng lập quỹ phải chuyển quyền sở hữu tài sản đóng góp thành lập quỹ như sau:

1. Đối với tiền đồng Việt Nam, các sáng lập viên chuyển trực tiếp vào tài khoản của quỹ.
2. Đối với tài sản có đăng ký hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì bên góp tài sản phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho quỹ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản đóng góp thành lập quỹ không phải chịu lệ phí trước bạ.
3. Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp tài sản phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản đóng góp có xác nhận bằng biên bản. Biên bản giao nhận phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của quỹ; họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của cá nhân hoặc số quyết định thành lập của tổ chức đóng góp tài sản; loại tài sản và số đơn vị tài sản đóng góp; tổng giá trị tài sản đóng góp; ngày giao nhận; chữ ký của người đóng góp hoặc đại diện theo ủy quyền của người đóng góp tài sản và người đại diện theo pháp luật của quỹ.

Điều 21. Điều kiện để quỹ được hoạt động

Quỹ được hoạt động khi đủ các điều kiện sau:

1. Có giấy phép thành lập và công nhận điều lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này cấp.
2. Đã công bố về việc thành lập quỹ theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.
3. Có văn bản xác nhận của ngân hàng nơi quỹ đăng ký mở tài khoản về số tiền mà sáng lập viên đóng góp để thành lập quỹ đã có đủ trong tài khoản của quỹ. Đối với tài sản khác, đã thực hiện việc chuyển quyền sở hữu tài sản theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 Nghị định này.
4. Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.

Điều 22. Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ

1. Sau khi đã hoàn tất các thủ tục quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 21 Nghị định này, Hội đồng quản lý quỹ lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ theo quy định tại Điều 16 Nghị định này đề nghị công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.

2. Nội dung hồ sơ gồm:

a) Tài liệu chứng minh các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 21 Nghị định này;

b) Danh sách, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của các thành viên Hội đồng quản lý quỹ. Trường hợp thành viên Hội đồng quản lý quỹ là người nước ngoài phải cung cấp lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước người đó mang quốc tịch;

c) Văn bản liên quan đến việc bầu thành viên và các chức danh Hội đồng quản lý quỹ.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này ra quyết định công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ, trường hợp không công nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Trong quá trình hoạt động nếu có sự thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ; quỹ gửi văn bản nêu rõ lý do thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (kèm theo danh sách, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của thành viên Hội đồng quản lý quỹ được bổ sung) đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này ra quyết định công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ do thay đổi, bổ sung; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 23. Hội đồng quản lý quỹ

1. Hội đồng quản lý quỹ là cơ quan quản lý của quỹ, nhân danh quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của quỹ. Hội đồng quản lý quỹ có tối thiểu 03 (ba) thành viên do sáng lập viên đề cử, trường hợp không có đề cử của sáng lập viên thành lập quỹ, Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ trước bầu ra Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ tiếp theo và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này công nhận. Nhiệm kỳ Hội đồng quản lý quỹ không quá 05 (năm) năm. Hội đồng quản lý quỹ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên.

2. Đối với quỹ thành lập trên cơ sở tài sản hiến tặng hoặc di chúc, thành viên là tổ chức hoặc cá nhân đại diện cho tài sản đó chiếm không quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên trong Hội đồng quản lý quỹ.

3. Hội đồng quản lý quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của quỹ;

b) Quyết định các giải pháp phát triển quỹ; thông qua hợp đồng vay, mua, bán tài sản có giá trị lớn của quỹ, giá trị này được quy định cụ thể trong điều lệ quỹ;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý quỹ; quyết định thành lập Ban Kiểm soát quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc quỹ hoặc ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc quỹ trong trường hợp Giám đốc quỹ là người do quỹ thuê; quyết định người phụ trách công tác kế toán và người quản lý khác quy định tại điều lệ quỹ;

d) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý quỹ, Giám đốc, người phụ trách kế toán quỹ và người quản lý khác quy định tại điều lệ quỹ và theo quy định của pháp luật;

đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng tài sản, tài chính quỹ;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý quỹ;

g) Quyết định thành lập pháp nhân trực thuộc quỹ theo quy định của pháp luật; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện quỹ theo quy định tại Điều 29 Nghị định này;

h) Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ;

i) Quyết định giải thể hoặc đề xuất những thay đổi về giấy phép thành lập và điều lệ quỹ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

k) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Nghị định này và điều lệ quỹ.

4. Hội đồng quản lý quỹ làm việc theo chế độ tập thể và biểu quyết theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 24. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ là công dân Việt Nam được Hội đồng quản lý quỹ bầu và là người đại diện theo pháp luật của quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ có thể kiêm Giám đốc quỹ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý quỹ;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng quản lý quỹ hoặc để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý quỹ;

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý quỹ hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý quỹ;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý quỹ;

đ) Thay mặt Hội đồng quản lý quỹ ký các quyết định của Hội đồng quản lý quỹ;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Nghị định này và điều lệ quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ không quá 05 (năm) năm. Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ kiêm Giám đốc quỹ thì phải ghi rõ trong các giấy tờ giao dịch của quỹ.

5. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ theo nguyên tắc quy định tại điều lệ quỹ.

6. Giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ có các Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ; nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch do điều lệ quỹ quy định.

7. Cá nhân, người đại diện tổ chức nước ngoài góp tài sản để thành lập quỹ hoặc có nhiều đóng góp cho quỹ, được các sáng lập viên thành lập quỹ đề cử, có thể được Hội đồng quản lý quỹ bầu làm Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý quỹ hoặc tôn vinh làm Chủ tịch danh dự của quỹ.

Điều 25. Giám đốc quỹ

1. Giám đốc quỹ do Hội đồng quản lý quỹ bổ nhiệm trong số thành viên Hội đồng hoặc thuê người khác làm Giám đốc quỹ.

2. Giám đốc quỹ là người điều hành công việc hằng ngày của quỹ, chịu sự giám sát của Hội đồng quản lý quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc quỹ không quá 05 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Điều hành và quản lý các hoạt động của quỹ, chấp hành các định mức chi tiêu của quỹ theo đúng nghị quyết của Hội đồng quản lý, điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật;

b) Ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm điều hành của Giám đốc và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình;

c) Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của quỹ với Hội đồng quản lý quỹ và cơ quan có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm quản lý tài sản của quỹ theo điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản;

đ) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ bổ nhiệm Phó Giám đốc và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

e) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của điều lệ quỹ và quyết định của Hội đồng quản lý quỹ.

Điều 26. Phụ trách kế toán của quỹ

1. Người phụ trách kế toán quỹ do Hội đồng quản lý quỹ bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc quỹ và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước.

2. Người được giao phụ trách kế toán của quỹ có trách nhiệm giúp Giám đốc quỹ tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của quỹ.

3. Không được bổ nhiệm người có tiền án, tiền sự, bị kỷ luật vì tham ô, xâm phạm tài sản nhà nước và vi phạm các chính sách, chế độ quản lý kinh tế, tài chính mà chưa được xóa án tích làm phụ trách kế toán của quỹ.

4. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể quỹ hoặc trường hợp phụ trách kế toán của quỹ chuyển công việc khác thì người phụ trách kế toán phải hoàn thành việc quyết toán trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể quỹ hoặc nhận việc khác và vẫn phải chịu trách nhiệm về các số liệu, báo cáo kế toán trong giai đoạn mình phụ trách cho đến khi bàn giao xong công việc cho người khác.

Điều 27. Ban Kiểm soát quỹ

1. Ban Kiểm soát quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ quyết định thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ. Đối với quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh hoặc quỹ có công dân, tổ chức nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập phải có ít nhất 03 (ba) thành viên, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và ủy viên. Đối với quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện, cấp xã thì Hội đồng quản lý quỹ thực hiện chức năng kiểm soát quỹ.

2. Ban kiểm soát quỹ hoạt động độc lập và có nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của quỹ theo điều lệ và các quy định của pháp luật;

b) Báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý quỹ về kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình tài chính của quỹ.

Điều 28. Tổ chức và thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê

1. Quỹ phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật kế toán, Luật thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

a) Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có liên quan đến quỹ;

b) Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có liên quan đến quỹ (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ và tổ chức, cá nhân được nhận tiền, hiện vật ủng hộ, tài trợ);

c) Lập và gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính và quyết toán năm cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ hoặc cơ quan tài chính của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ.

2. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng quỹ của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ hoặc cơ quan tài chính của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền. Cung cấp các thông tin cần thiết cho các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của quỹ

1. Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh được thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính của quỹ và gửi 01 (một) bộ hồ sơ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi quỹ đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của quỹ; hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ quỹ. Quỹ chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của quỹ chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi quỹ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện.

4. Hồ sơ thông báo thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của quỹ, gồm:

a) Văn bản thông báo thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của quỹ, trong đó ghi rõ: Tên quỹ và địa chỉ trụ sở chính của quỹ; tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động chính, phạm vi hoạt động của quỹ; tên, địa chỉ trụ sở, nội dung, phạm vi hoạt động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện; họ, tên, nơi thường trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người đứng đầu chi nhánh hoặc văn phòng đại diện. Người đại diện theo pháp luật của quỹ ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu của quỹ;

b) Bản sao quyết định của Hội đồng quản lý quỹ về việc thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện có chứng thực;

c) Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh hoặc văn phòng đại diện có chứng thực;

d) Bản sao giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có chứng thực, bản sao điều lệ của quỹ đã được công nhận có chứng thực (hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ không gửi các tài liệu này).

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của quỹ

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ đã được công nhận và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó.

3. Vận động quyên góp, tài trợ cho quỹ; tiếp nhận tài sản do các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước tài trợ, hiến tặng hoặc bằng các hình thức khác theo đúng tôn chỉ, mục đích của quỹ và quy định của pháp luật.

4. Thực hiện tài trợ đúng theo sự ủy quyền của cá nhân, tổ chức đã ủy quyền và tôn chỉ, mục đích của quỹ.

5. Được thành lập pháp nhân trực thuộc theo quy định của pháp luật; tổ chức các hoạt động theo quy định của pháp luật để bảo tồn và tăng trưởng tài sản quỹ.

6. Quỹ được thành lập từ các nguồn tài sản hiến tặng hoặc theo hợp đồng ủy quyền, di chúc mà không tổ chức quyên góp và nhận tài trợ thì hàng năm phải dành tối thiểu 5% (năm phần trăm) tổng số tài sản để tài trợ cho các chương trình, dự án phù hợp với mục đích hoạt động của quỹ.

7. Lưu trữ và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, các chứng từ, tài liệu về tài sản, tài chính của quỹ, nghị quyết, biên bản về các hoạt động của quỹ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

8. Sử dụng tài sản, tài chính tiết kiệm và hiệu quả theo đúng tôn chỉ, mục đích của quỹ; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

9. Được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật và chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân tài trợ và cộng đồng theo quy định của pháp luật. Giải quyết, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ quỹ và báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Hàng năm, quỹ phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động và tài chính với cơ quan cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ hoặc cơ quan tài chính của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ và thực hiện công khai các khoản đóng góp của quỹ trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

11. Quỹ được quan hệ với cá nhân, tổ chức để vận động quyền góp, vận động tài trợ cho quỹ hoặc cho các đề án, dự án cụ thể của quỹ theo quy định của pháp luật.

12. Quan hệ với các địa phương, tổ chức, cá nhân cần sự trợ giúp để xây dựng các đề án tài trợ theo tôn chỉ, mục đích hoạt động của quỹ.

13. Khi thay đổi trụ sở chính hoặc Giám đốc quỹ, quỹ phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền thành lập quỹ và cơ quan tài chính cùng cấp.

14. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA QUỸ

Điều 31. Tài sản, tài chính của quỹ

1. Nguồn tài sản, tài chính của quỹ bao gồm:

a) Tiền đồng Việt Nam và tài sản được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam (bao gồm: Hiện vật, ngoại tệ, giấy tờ có giá, các quyền tài sản và các loại tài sản khác) của các cá nhân, tổ chức dưới hình thức hợp đồng ủy quyền, hiến tặng, di chúc của người để lại tài sản hoặc các hình thức khác góp vào quỹ. Cá nhân, tổ chức đã góp tài sản vào quỹ không còn quyền sở hữu và trách nhiệm dân sự với tài sản đó. Đối với tài sản là trụ sở, trang thiết bị, công nghệ, quyền tài sản phải được định giá bởi tổ chức thẩm định giá được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Các khoản sinh lời từ tài sản, tài chính của quỹ;

c) Tài sản, tài chính hợp pháp khác.

2. Tài sản, tài chính của quỹ được sử dụng để đảm bảo hoạt động ban đầu của quỹ, chỉ cho các nhiệm vụ phù hợp với điều lệ của quỹ và quy định của pháp luật.

3. Đối với tài sản là tiền đồng Việt Nam có số lượng từ 50 (năm mươi) triệu trở lên; ngoại tệ, vàng có giá trị quy đổi tương đương 50 (năm mươi) triệu đồng Việt Nam trở lên đóng góp cho quỹ phải được thực hiện thông qua tài khoản ngân hàng của quỹ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 32. Nguồn thu của quỹ

1. Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ hoặc các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (nếu có), bao gồm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước giao;

b) Thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng.

4. Thu từ lãi tiền gửi, lãi trái phiếu Chính phủ.

5. Các khoản thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 33. Sử dụng quỹ

1. Chi tài trợ, bao gồm: Tài trợ cho các chương trình, các đề án nhằm mục đích nhân đạo, từ thiện, khuyến khích phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học và các mục đích xã hội khác vì sự phát triển cộng đồng theo điều lệ quỹ. Tài trợ theo sự ủy nhiệm của cá nhân, tổ chức và thực hiện các dự án tài trợ có địa chỉ theo quy định của pháp luật. Tài trợ cho tổ chức, cá nhân phù hợp với mục đích của quỹ.

2. Đối với việc vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 64/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

3. Việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ từ tổ chức phi chính phủ nước ngoài thực hiện theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài và các văn bản liên quan.

4. Chi thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng hoặc các nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước giao.

5. Chi cho hoạt động quản lý quỹ.

6. Mua trái phiếu Chính phủ, gửi tiết kiệm đối với tiền nhàn rỗi của quỹ (không bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước cấp, nếu có).

Điều 34. Chi hoạt động quản lý quỹ

1. Nội dung chi hoạt động quản lý quỹ bao gồm:

- a) Chi tiền lương và các khoản phụ cấp cho bộ máy quản lý quỹ;
- b) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp theo quy định;
- c) Chi thuê trụ sở làm việc (nếu có);
- d) Chi mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động của quỹ;
- đ) Chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ hoạt động của quỹ;
- e) Chi các khoản công tác phí phát sinh khi đi làm các nhiệm vụ vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng cứu trợ;
- g) Chi cho các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ chung trong quá trình vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng cứu trợ (tiền thuê kho, bến bãi; chi phí đóng thùng, vận chuyển hàng hoá; chi phí chuyển tiền; chi phí liên quan đến phân bổ tiền, hàng cứu trợ);
- h) Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của quỹ.

2. Định mức chi hoạt động quản lý quỹ:

- a) Hội đồng quản lý quỹ quy định cụ thể tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý quỹ, tối đa không quá 5% (năm phần trăm) tổng thu hàng năm của quỹ (không bao gồm các khoản: Tài trợ bằng hiện vật, tài trợ của Nhà nước để thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng);

b) Trường hợp nhu cầu chi thực tế cho hoạt động quản lý quỹ vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng thu hàng năm của quỹ, Hội đồng quản lý quỹ quy định mức chi sau khi có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ hoặc cơ quan tài chính của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ;

c) Trường hợp chi phí quản lý của quỹ đến cuối năm không sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định.

Điều 35. Quản lý tài sản, tài chính quỹ

1. Hội đồng quản lý quỹ ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý quỹ, chuẩn y kế hoạch tài chính và xét duyệt quyết toán tài chính hàng năm của quỹ.

2. Ban Kiểm soát quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý về tình hình tài sản, tài chính của quỹ.

3. Giám đốc quỹ chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, nguồn thu, các định mức chi tiêu của quỹ theo đúng nghị quyết của Hội đồng quản lý trên cơ sở nhiệm vụ hoạt động đã được Hội đồng quản lý quỹ thông qua; không được sử dụng tài sản, tài chính quỹ vào các hoạt động khác ngoài tôn chỉ, mục đích của quỹ.

4. Hội đồng quản lý quỹ và Giám đốc quỹ có trách nhiệm công khai tình hình tài sản, tài chính quỹ hàng quý, năm theo các nội dung sau:

a) Danh sách, số tiền, hiện vật đóng góp, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân cho quỹ;

b) Danh sách, số tiền, hiện vật tổ chức, cá nhân được nhận từ quỹ;

c) Báo cáo tình hình tài sản, tài chính và quyết toán quý, năm của quỹ theo từng nội dung thu, chi theo Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

5. Đối với các khoản chi theo từng đợt vận động, việc báo cáo được thực hiện theo quy định hiện hành về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

6. Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán quỹ và kết luận của kiểm toán (nếu có) hàng năm theo quy định hiện hành.

Chương V
HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH,
ĐỔI TÊN; TẠM ĐÌNH CHỈ VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 36. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ thực hiện theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 97 của Bộ luật dân sự, Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ:

a) Quỹ thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chia, tách gửi 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Các quỹ hợp nhất, quỹ được sáp nhập, quỹ bị chia chấm dứt tồn tại và hoạt động sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này cho phép hợp nhất, sáp nhập và chia quỹ. Quyền và nghĩa vụ của các quỹ hợp nhất, quỹ được sáp nhập, quỹ bị chia được chuyển giao cho các quỹ mới và quỹ sáp nhập. Đối với trường hợp tách quỹ, thì quỹ bị tách và quỹ được tách (quỹ thành lập mới) thực hiện quyền, nghĩa vụ phù hợp với mục đích hoạt động của quỹ và phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của quỹ trước khi tách.

3. Hồ sơ hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ, gồm:

a) Đơn đề nghị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ, trong đó nêu rõ lý do và tên gọi mới của quỹ;

b) Dự thảo điều lệ quỹ;

c) Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ; ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có);

d) Dự kiến nhân sự Hội đồng quản lý quỹ;

đ) Phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ.

4. Đổi tên quỹ

a) Việc đổi tên quỹ phải có nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ, ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có);

b) Quỹ gửi 01 (một) bộ hồ sơ xin đổi tên quỹ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này, hồ sơ gồm: Đơn đề nghị đổi tên quỹ; nghị quyết của Hội đồng quản lý về việc đổi tên quỹ; dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung; ý kiến đồng ý bằng văn bản của sáng lập viên hoặc người đại diện hợp pháp của sáng lập viên (nếu có);

c) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này xem xét và quyết định cấp lại giấy phép về việc đổi tên quỹ và công nhận điều lệ quỹ; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 37. Tạm đình chỉ hoạt động quỹ

1. Quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng khi vi phạm một trong những quy định sau:

a) Hoạt động sai mục đích, không đúng điều lệ của quỹ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;

b) Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý tài sản, tài chính;

c) Sử dụng sai các khoản tài trợ có mục đích của các tổ chức, cá nhân tài trợ cho quỹ;

d) Tổ chức vận động tài trợ không đúng với mục đích được quy định trong điều lệ;

đ) Không hoạt động liên tục trong thời hạn 06 (sáu) tháng;

e) Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và báo cáo tài chính hàng năm và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này có văn bản đôn đốc nhưng quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đôn đốc quỹ vẫn không khắc phục;

g) Không báo cáo việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc quỹ.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận sai phạm tại quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động của quỹ. Ngoài việc bị tạm đình chỉ hoạt động, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, quỹ có thể bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại và những người có trách nhiệm quản lý quỹ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn tạm đình chỉ nếu quỹ khắc phục được sai phạm, quỹ lập 01 (một) hồ sơ đề nghị được hoạt động trở lại gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này xem xét, quyết định; hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị được hoạt động trở lại của quỹ;
- b) Báo cáo của Hội đồng quản lý và các tài liệu chứng minh quỹ đã khắc phục sai phạm.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 3 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này cho phép quỹ hoạt động trở lại, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Hết thời hạn tạm đình chỉ mà quỹ không khắc phục được vi phạm, thời hạn tạm đình chỉ hoạt động kéo dài thêm 01 (một) tháng, quá thời hạn kéo dài thêm mà quỹ vẫn không khắc phục được sai phạm, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này quyết định giải thể quỹ.

6. Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ quyết định xử phạt hành chính; chuyển hồ sơ và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

Điều 38. Giải thể quỹ

- 1. Quỹ có thể tự giải thể hoặc bị giải thể.
- 2. Quỹ tự giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Chấm dứt hoạt động theo quy định của điều lệ quỹ;
 - b) Mục tiêu hoạt động của quỹ đã hoàn thành;
 - c) Không còn khả năng về tài sản, tài chính để hoạt động.

3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ tự giải thể quỹ: Hội đồng quản lý quỹ ra nghị quyết về việc quỹ tự giải thể và gửi 01 (một) bộ hồ sơ xin giải thể đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này, hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị giải thể;
- b) Nghị quyết của Hội đồng quản lý quỹ về tự giải thể, trong đó nêu rõ lý do giải thể quỹ;
- c) Bản kiểm kê tài sản, tài chính của quỹ có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ, Trưởng Ban Kiểm tra, Giám đốc và phụ trách kế toán;
- d) Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính, lao động và thời hạn thanh toán các khoản nợ;
- đ) Thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật và thông báo liên tiếp trên 03 (ba) số báo viết hoặc báo điện tử ở Trung ương đối với quỹ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập, báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương đối với quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cho phép thành lập;
- e) Các tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài sản, tài chính của quỹ.

4. Quỹ bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Không báo cáo về tổ chức, hoạt động và tài chính trong 02 (hai) năm liên tục;
- b) Giả mạo về thông tin kế toán, số tài khoản đăng ký; không đạt mức giải ngân quy định tại Nghị định này;
- c) Không tự giải thể theo những quy định tại Khoản 2 Điều này;
- d) Vi phạm một trong các quy định tại Điều 7 Nghị định này;
- đ) Quá thời hạn tạm đình chỉ quỹ không khắc phục được vi phạm theo quy định tại Khoản 5 Điều 37 Nghị định này.

5. Trách nhiệm của cơ quan cho phép thành lập quỹ trong trường hợp quỹ tự giải thể hoặc bị giải thể:

- a) Trường hợp quỹ tự giải thể: Sau 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn ghi trong thông báo thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính của quỹ khi quỹ tự giải thể mà không có đơn khiếu nại, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này xem xét, ra quyết định giải thể và thu hồi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ;

b) Trường hợp quỹ bị giải thể: Quỹ vi phạm một trong các quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày có kết luận quỹ sai phạm; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này ra thông báo về việc giải thể và thời hạn thanh toán nợ, thanh lý tài sản, tài chính của quỹ liên tiếp trên 03 (ba) số báo viết hoặc báo điện tử ở Trung ương đối với quỹ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập, báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương đối với quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cho phép thành lập. Sau 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo mà không có đơn, thư khiếu nại; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này ra quyết định giải thể và thu hồi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ;

c) Trường hợp quỹ bị giải thể mà không đồng ý với quyết định giải thể, thì quỹ có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, quỹ không được hoạt động.

6. Quỹ chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định giải thể quỹ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực.

Điều 39. Xử lý tài sản khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, tạm đình chỉ và giải thể quỹ

1. Trường hợp quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thì toàn bộ tiền và tài sản của quỹ phải được tiến hành kiểm kê đầy đủ, kịp thời trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách; tuyệt đối không được phân chia tài sản của quỹ.

Tiền và tài sản của quỹ mới được sáp nhập, hợp nhất phải bằng với tổng số tiền và tài sản của các quỹ trước khi sáp nhập, hợp nhất.

Tổng số tiền và tài sản của các quỹ mới được chia, tách phải bằng với số tiền và tài sản của quỹ trước khi chia, tách.

2. Trường hợp quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động thì toàn bộ tiền và tài sản của quỹ phải được kiểm kê và giữ nguyên hiện trạng tài sản. Trong thời gian bị tạm đình chỉ hoạt động, quỹ chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ máy đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Trường hợp quỹ bị giải thể, không được phân chia tài sản của quỹ. Việc bán, thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước (gọi chung là Nghị định số 137/2006/NĐ-CP) và Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 137/2006/NĐ-CP.

4. Toàn bộ số tiền hiện có của quỹ và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của quỹ được sử dụng vào việc thanh toán các khoản nợ, theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Tiền lương, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế và các khoản phải trả khác.

5. Sau khi thanh toán các khoản nợ và chi phí giải thể, số tiền và tài sản còn lại của quỹ do cơ quan thuộc cấp nào cho phép thành lập thì được nộp vào ngân sách cấp đó.

Điều 40. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý quỹ trong việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể; đổi tên quỹ

1. Hội đồng quản lý quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể; đổi tên quỹ.

2. Việc xử lý tài sản, tài chính trong việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể quỹ được thực hiện theo điều lệ quỹ và quy định của pháp luật.

Điều 41. Khiếu nại, tố cáo

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI QUỸ

Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quỹ theo thẩm quyền.

2. Hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thi hành pháp luật về quỹ.

3. Thực hiện thẩm quyền và lấy ý kiến bằng văn bản các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý lĩnh vực hoạt động chính của quỹ khi giải quyết các thủ tục về quỹ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của quỹ.

5. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Thanh tra, kiểm tra, giám sát về tổ chức, hoạt động của quỹ.
7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm.
8. Tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động của quỹ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
9. Ban hành và hướng dẫn các loại mẫu quyết định, mẫu điều lệ, các biểu mẫu và hồ sơ về quỹ.

Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn việc lập báo cáo tài chính và các biểu mẫu liên quan đến công tác quản lý tài sản, tài chính của quỹ.
2. Chủ trì và phối hợp với Bộ Nội vụ trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính quỹ; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài chính đối với các quỹ do Bộ Nội vụ cho phép thành lập.

Điều 44. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với quỹ hoạt động thuộc lĩnh vực do Bộ, ngành quản lý

1. Tham gia bằng văn bản với Bộ Nội vụ về các nội dung xin ý kiến theo quy định tại Khoản 3 Điều 42 Nghị định này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến đối với quỹ liên quan đến lĩnh vực Bộ, ngành quản lý.
2. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho quỹ tham gia các hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.
3. Kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đối với quỹ, xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.
4. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với quỹ liên quan đến lĩnh vực Bộ, ngành quản lý.
5. Thông báo bằng văn bản với Bộ Nội vụ khi có quyết định giao cho quỹ tham gia các hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ và việc hỗ trợ kinh phí đối với quỹ do Bộ Nội vụ cho phép thành lập.

Điều 45. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép thành lập:
 - a) Thực hiện thẩm quyền quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của quỹ quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

b) Quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật và điều lệ đối với quỹ hoạt động ở địa phương;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quỹ; khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với quỹ hoạt động ở địa phương;

d) Xem xét hỗ trợ đối với các quỹ có phạm vi hoạt động tại địa phương;

đ) Xem xét và cho phép quỹ có phạm vi hoạt động tại địa phương nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý quỹ;

g) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ ở địa phương.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các quỹ do Bộ Nội vụ cho phép thành lập hoạt động tại địa phương: Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, kiến nghị xử lý vi phạm, tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ hàng năm về hoạt động của quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với quỹ hoạt động ở địa phương;

b) Thẩm định, lấy ý kiến bằng văn bản của sở quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà quỹ hoạt động; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết các thủ tục về quỹ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

c) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của quỹ; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ hoạt động trong phạm vi tỉnh theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; phối hợp với các ngành hữu quan hướng dẫn về chính sách, pháp luật đối với quỹ;

d) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, giám sát hoạt động của quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ quỹ;

đ) Hướng dẫn Phòng Nội vụ cấp huyện về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý quỹ;

e) Tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý quỹ ở địa phương (kể cả chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc, liên tỉnh có trụ sở tại địa phương), định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Thực hiện quyết định ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về quản lý nhà nước đối với quỹ;

b) Quản lý nhà nước đối với quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật;

c) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Sở Nội vụ, Sở Tài chính về tình hình tổ chức, hoạt động của các quỹ trên địa bàn.

5. Phòng Nội vụ có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước đối với quỹ trong trường hợp có sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chịu sự hướng dẫn chuyên môn của Sở Nội vụ; hàng năm tổng hợp, báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của các quỹ trên địa bàn với Ủy ban nhân dân cấp huyện và tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ, Sở Tài chính.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 47. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quy định chi tiết các nội dung đã được giao tại Nghị định này; hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công ty TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b).N 280

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng